



QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND

VNDBF

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2021

NỘI DUNG BÁO CÁO

- I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ
- II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ
- III. KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU NĂM 2021
- IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2022
- V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ
- VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2021

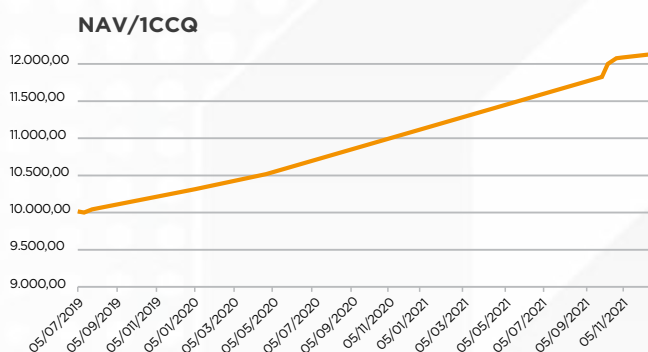


I. THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

Tên quỹ	Tên tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND Tên viết tắt: VNDBF Tên tiếng Anh: VND BOND FUND
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Ngày thành lập	05/07/2019
Ngày giao dịch (T)	Thứ Hai tới Thứ Sáu
Thời điểm chốt sổ lệnh	14:45 ngày (T-1)
Công ty quản lý quỹ	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
Ngân Hàng Giám Sát	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Đại Lý Phân phối	CTCP Chứng khoán VNDIRECT Công ty cổ phần FINCORP
Địa chỉ liên hệ	Công Ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Điện thoại: 024 3941 0510; Fax 024 3941 0500
Mục tiêu đầu tư	Mục tiêu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND là tìm kiếm lợi nhuận ổn định và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam có uy tín và có chất lượng tín dụng cao, tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá.
Chiến lược đầu tư	<p>Chiến lược đầu tư của Quỹ là xây dựng một danh mục công cụ nợ đa dạng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác.</p> <p>Quỹ tập trung đầu tư vào các loại trái phiếu doanh nghiệp có thanh khoản tốt của các tổ chức phát hành có độ tín nhiệm cao nhằm tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với mức lợi tức gửi ngân hàng và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo bảo toàn vốn cho nhà đầu tư.</p>
Giá trị mua tối thiểu	100.000 VND
Giá dịch vụ phát hành	- Dưới 2 tỷ: 0,15% - Từ 2 tỷ trở lên: miễn phí
Giá dịch vụ mua lại	- Dưới 3 tháng: 1,0% - Từ 3 tháng đến dưới 6 tháng: 0,75% - Từ 6 tháng đến dưới 12 tháng: 0,50% - Từ 12 tháng trở lên: miễn phí
Mức độ rủi ro	Thấp

II. ĐIỂM NHẤN TÀI CHÍNH QUỸ

Giá trị tài sản ròng	31/12/2021
NAV (triệu đồng)	154.552,55
Số lượng CCQ (triệu CCQ)	13,3
NAV/CCQ (đồng)	11.662,78
NAV/CCQ cao nhất (đồng)	11.663,22
NAV/CCQ thấp nhất (đồng)	10.898,23
Chi phí hoạt động/tài sản bình quân (%)	1,85%



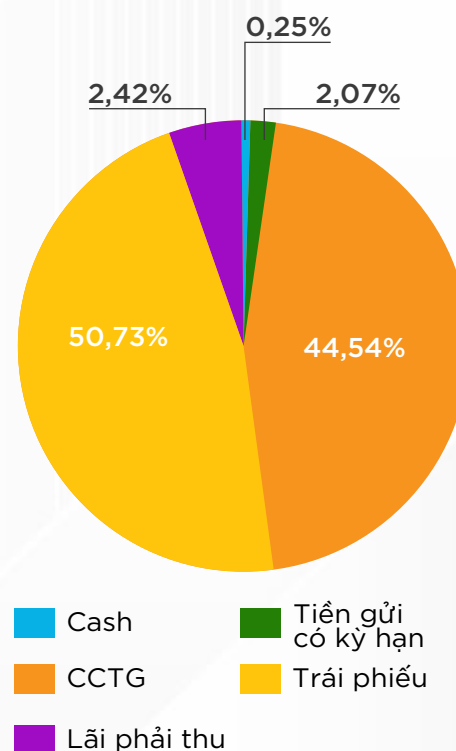
Giá trị NAV/CCQ đến 31/12/2021 đạt 13.251.771,02 đồng/CCQ, tăng 7,05% so với cuối năm 2020. Tính từ ngày thành lập, NAV/CCQ tăng trưởng ở mức 16,63%.

Quỹ VNDBF đầu tư chủ yếu vào Chứng chỉ tiền gửi (44,54%) và Trái phiếu (50,73%). Bên cạnh đó, Quỹ cũng tận dụng tối đa và linh hoạt tiền mặt để đầu tư Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại.

BÁO CÁO THU NHẬP NĂM 2021

Nội dung	Giá trị
THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (I)	9.274.038.192
CHI PHÍ ĐẦU TƯ (II)	4.330.761.532
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ (III)	3.401.126.721
Phí quản lý Quỹ mở	924.848.782
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	254.813.353
Phí dịch vụ giám sát	66.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	198.000.000
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	132.000.000
Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở, thù lao ban đại diện quỹ	8.000.000
Lương BDD Quỹ	144.000.000
Chi phí kiểm toán	88.000.000
Chi phí hoạt động khác	7.891.401
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (VI=IV + V)	7.436.616.402
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (VIII = VI - VII)	7.549.118.514

PHÂN BỐ TÀI SẢN



III. KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG

TRÁI PHIẾU NĂM 2021

1. Bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2021

Tuy năm 2021 nhiều khó khăn nhưng bức tranh kinh tế Việt Nam vẫn nhiều gam màu sáng.

Năm 2021, đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến thể mới, cản trở đà phục hồi của kinh tế thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế năm 2021 chỉ ở mức 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa duy trì tốc độ tăng cao, là điểm sáng của nền kinh tế trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ (svck); kim ngạch nhập khẩu đạt 332,25 tỷ USD, tăng 26,5% svck, chủ yếu nhập khẩu tư liệu sản xuất chiếm đến 93,5% tổng kim ngạch (tăng 26,8% svck). Cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 xuất siêu 4 tỷ USD. Đây cũng là năm thứ 6 Việt Nam xuất siêu liên tục, và xuất nhập khẩu tăng cao, cho thấy vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Lạm phát trong năm 2021 được kiểm soát tốt. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84% svck, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản năm 2021 tăng 0,81%, thấp hơn mức CPI bình quân chung cho thấy lạm phát chủ yếu do yếu tố giá cả; và giá cả tăng chủ yếu là do chi phí đẩy (giá hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào tăng) chứ không hẳn là cầu kéo (do sức cầu còn yếu). Tuy nhiên, áp lực lạm phát tại Việt Nam đang gia tăng.

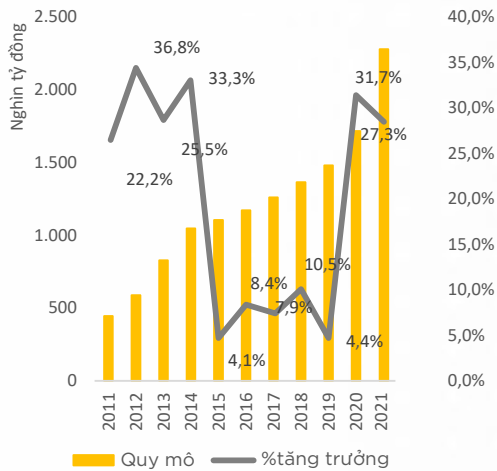
Mặc dù dịch bệnh bùng phát trên diện rộng, song Việt Nam vẫn duy trì được dòng vốn FDI. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2021 đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đạt 15,25 tỷ USD, tăng 4,1%; vốn đăng ký tăng thêm đạt 9,01 tỷ USD, tăng 40,5%, trong khi vốn góp, mua cổ phần đạt 6,89 tỷ USD, giảm 7,7% so với năm trước. Tuy nhiên, giải ngân vốn FDI chỉ đạt 19,74 tỷ USD (-1,2% svck) do việc giãn cách để kiểm soát dịch bệnh dẫn tới các dự án đầu tư bị ảnh hưởng.

Trong năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, giá cả hàng hóa, lạm phát thế giới tăng, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường để tăng cường ổn định vĩ mô và hỗ trợ doanh nghiệp. Dự nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng ước tăng khoảng 13,5%, cao hơn so với mức 13% năm trước. Huy động vốn có tốc độ tăng chậm hơn, tăng khoảng 9%, thấp hơn mức tăng 13-14% các năm trước. Mặt bằng lãi suất cho vay giảm nhẹ 0,8% so với đầu năm, mặt bằng lãi suất huy động duy trì ở mức thấp, tăng nhẹ cục bộ tại một vài ngân hàng cổ phần vào cuối năm khi nhu cầu tín dụng phục hồi.

2. Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2021

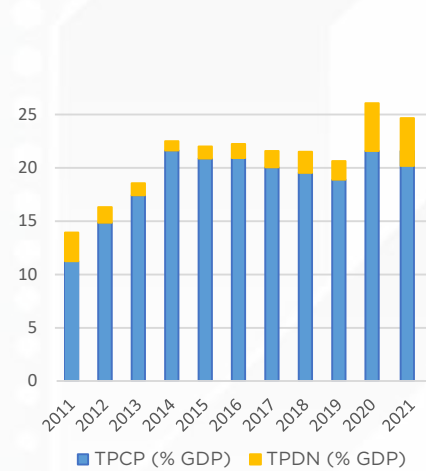
Quy mô thị trường tiếp tục tăng trưởng mạnh nhờ động lực từ Trái phiếu doanh nghiệp

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM



Nguồn: Asia Bond Online

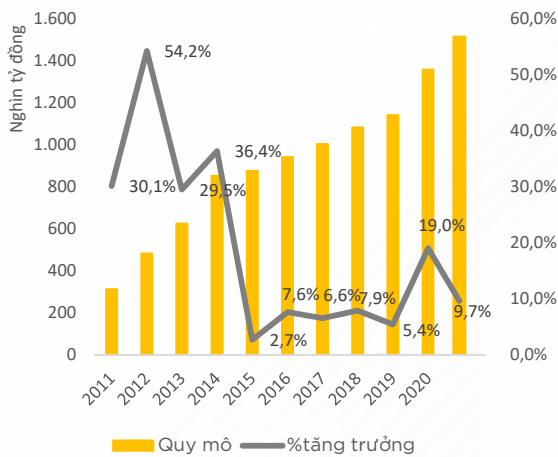
QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM SO VỚI GDP



Nguồn: Asia Bond Online

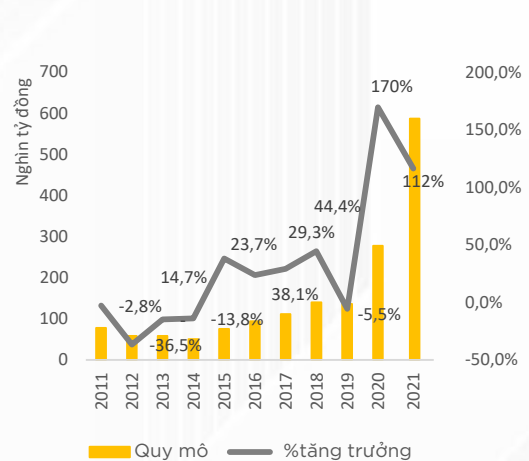
Theo nguồn Asia Bond Online, Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2021 đạt gần 2,09 triệu tỷ đồng, tương đương 24,88% GDP, tăng +27,3% so với năm 2020. Quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) tiếp tục tăng trưởng ba chữ số năm thứ hai liên tiếp.

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TPCP VIỆT NAM



Nguồn: Asia Bond Online

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TPDN VIỆT NAM



Nguồn: Asia Bond Online

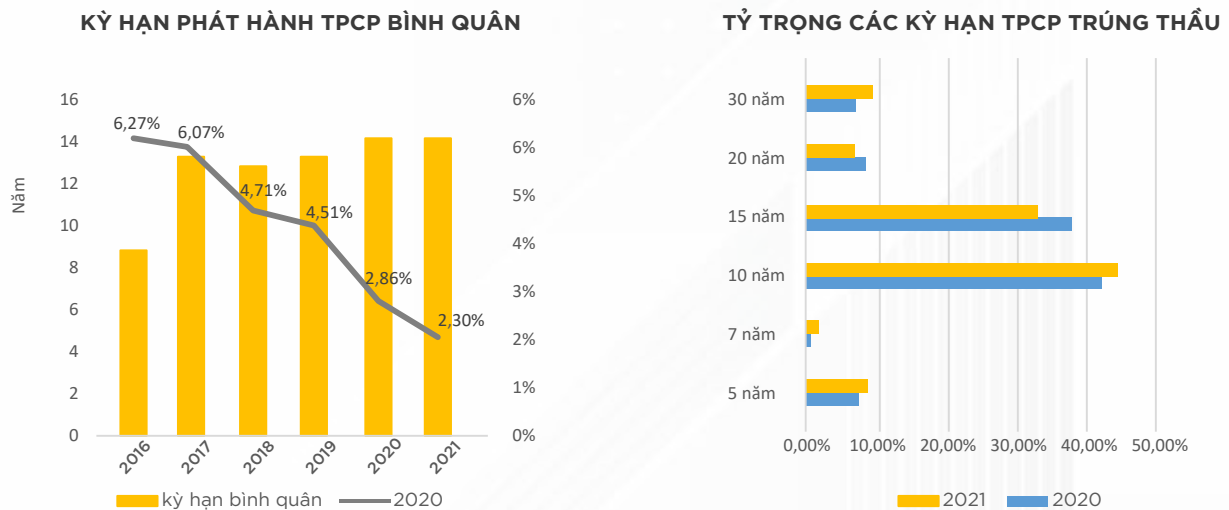
Năm 2021, quy mô thị trường TPDN tăng +112% so với năm 2020, đạt hơn 590 nghìn tỷ đồng, tương đương 7,14% GDP. Quy mô thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP) tăng +9,7% so với cùng kỳ năm trước, đạt gần 1,49 triệu tỷ đồng, tương đương 17,74% GDP.

Thị trường trái phiếu chính phủ

Theo VBMA, kết quả phát hành TPCP trong năm 2021 đạt 318 nghìn tỷ đồng, giảm -1,77% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 98,21% kế hoạch cả năm sau điều chỉnh.

Kỳ hạn	2020	2021	%SVCK	% KH năm
5 năm	13.670	20.768	51,92%	94,40%
7 năm	1.730	5.484	216,99%	91,35%
10 năm	135.648	133.906	-1,28%	99,93%
15 năm	122.473	103.704	-15,33%	96,92%
20 năm	27.915	23.885	-14,44%	99,52%
30 năm	22.517	30.469	35,32%	98,29%
Tổng	323.953	318.216	-1,77%	98,21%

Các kỳ hạn 10 năm và 15 năm chiếm đa số số lượng TPCP phát hành cả năm



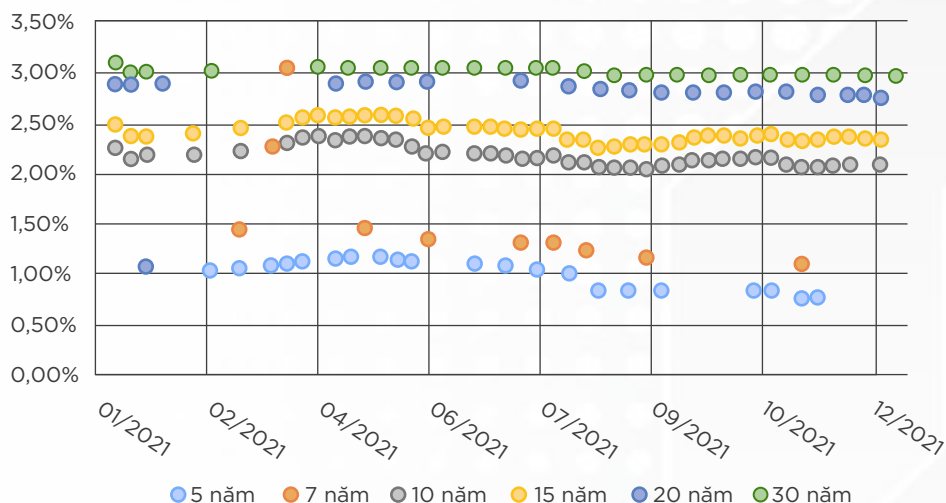
Nguồn: HNX

Các đợt trúng thầu tiếp tục tập trung vào kỳ hạn 10 năm và 15 năm, chiếm tỷ trọng trong phát hành cả năm lần lượt là 42,1% và 32,6%. Kỳ hạn phát hành bình quân đạt 13,92 năm (giảm 0,02 năm so với cuối năm 2020).

Lãi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp giảm so với mặt bằng năm 2020



Lãi suất trúng thầu TPCP năm 2021



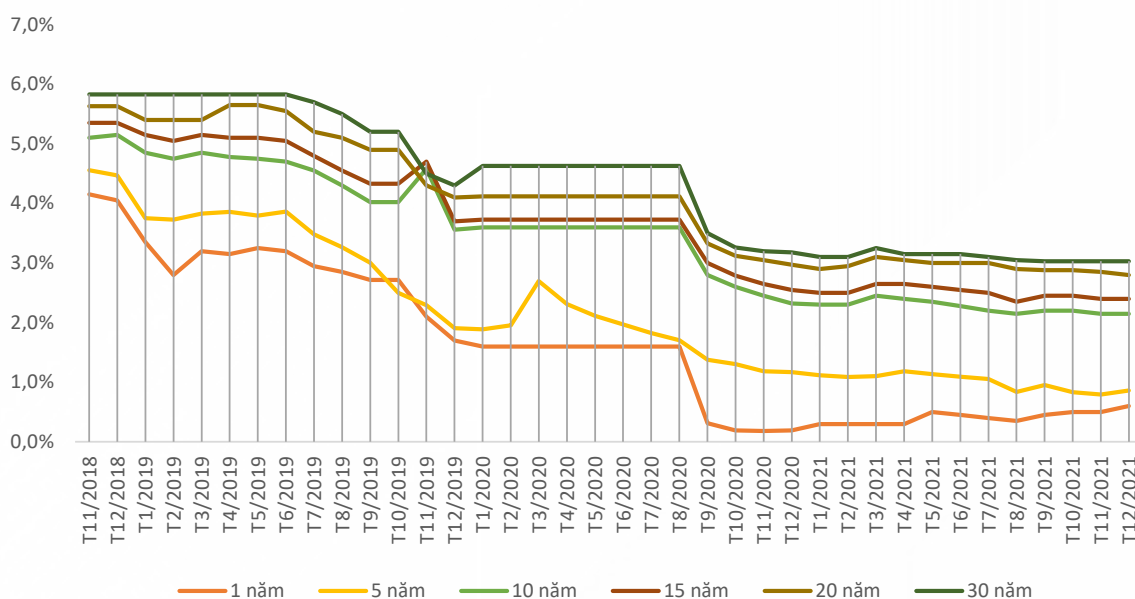
Nguồn: HNX

Lãi suất phát hành giảm trên tất cả các kỳ hạn so với cuối năm 2020. Theo đó, lãi suất huy động các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm giảm khoảng từ 0,12%/năm đến 0,46%/năm. Tính trung bình, lãi suất phát hành bình quân năm 2021 đạt 2,30% giảm 0,56%/năm so với năm 2020.

Đối với trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Tổng khối lượng phát hành năm 2021 đạt 21.524 tỷ đồng, trong năm 2021, Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành được 11.024 tỷ đồng TPCPBL, kỳ hạn phát hành bình quân đạt 11,64 năm, lãi suất phát hành bình quân đạt 2,5%. Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được 10.500 tỷ đồng TPCPBL, kỳ hạn phát hành bình quân đạt 8,94 năm, lãi suất phát hành bình quân đạt 2,09%.

Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP các kỳ hạn dài diễn biến đồng pha với lãi suất trúng thầu.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ



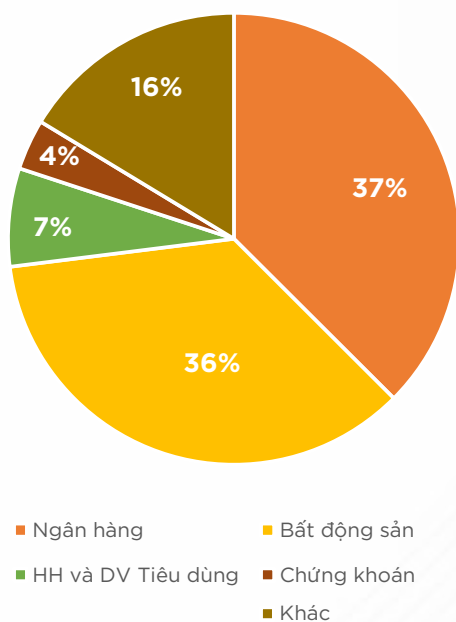
Nguồn: BLOOMBERG

Kết thúc năm 2021, lợi suất TPCP các kỳ hạn 1 năm, 2 năm, 3 năm, 4 năm, 5 năm, 7 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm trên thị trường thứ cấp lần lượt kết thúc ở mức 0,173% (+39,8 đcb svck), 0,275% (+33,2 đcb svck), 0,483% (+19,5 đcb svck), 0,805% (-5,8 đcb svck), 1,127% (-31 đcb svck), 1,394% (-20,5 đcb svck), 2,409% (-32,5 đcb svck), 2,615% (-25,6 đcb svck), 2,981% (-22,5 đcb svck), 3,165% (-23,6 đcb svck).

So với mặt bằng lãi suất năm ngoái, lãi suất giao dịch các kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm có xu hướng giảm nhẹ, ngược lại lãi suất các kỳ hạn từ 1-3 năm tăng nhẹ. Nguyên nhân dẫn tới xu hướng giảm của các kỳ hạn dài là do chính sách nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng Trung ương nhằm hồi phục nền kinh tế sau đại dịch, bên cạnh đó TPCP vẫn là lựa chọn hàng đầu cho các danh mục đầu tư lớn tại các TCTD và bảo hiểm.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Cơ cấu phát hành TPDN năm 2021



Nguồn: HNX

Năm 2021 tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ của TPDN.

Theo VBMA, thị trường TPDN Việt Nam có 964 đợt phát hành trong nước với tổng giá trị đạt 595 nghìn tỷ đồng (+29% so với năm trước), trong đó có 937 đợt phát hành riêng lẻ với tổng giá trị khoảng 570 nghìn tỷ đồng (chiếm 95,8% tổng GTPH), 23 đợt phát hành ra công chúng giá trị 26,34 nghìn tỷ (chiếm 4,6% tổng GTPH) và 4 đợt phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế tổng giá trị 1.425 tỷ USD.

Nhóm ngân hàng thương mại là ngành đi đầu trong việc phát hành trái phiếu trong cả năm 2021 với tổng khối lượng phát hành lên tới 223 nghìn tỷ đồng, chiếm 37,48% GTPH, tăng 56% so với cùng kỳ. Kỳ hạn 2-4 năm chiếm tỷ trọng lớn nhất gần 73% giá trị phát hành của nhóm.

Đứng thứ hai là nhóm bất động sản với tổng huy động đạt 211,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 35,54% GTPH, tăng 33% so với cùng kỳ, trong đó có khoảng 29% giá trị trái phiếu không có tài sản đảm bảo hoặc bảo đảm bằng cổ phiếu. Lãi suất phát hành dao động trong khoảng 8%-13%/năm, bên cạnh đó có một vài doanh nghiệp có mức lãi suất phát hành chỉ ở mức khoảng 5%-6%/năm. Kỳ hạn 1-3 năm chiếm phần lớn giá trị phát hành trong năm với 142.389 tỷ đồng, chiếm 67,33%.

Cùng với xu hướng giảm của lãi suất ngân hàng, lãi suất TPDN có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2021. Lãi suất bình quân TPDN trong năm 2021 cũng đạt 7,75%/năm.

IV. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2022

1. Nhận định thị trường năm 2022

Dự báo kinh tế Việt Nam phục hồi với mức tăng từ 6,0% - 6,5% nhưng áp lực lạm phát gia tăng.

Theo các tổ chức quốc tế uy tín, GDP của Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế.

Tuy nhiên, áp lực lạm phát trong năm tới khả năng sẽ gia tăng do (1) giá cả, lạm phát toàn cầu còn ở mức cao, khả năng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn còn diễn ra, kéo theo lạm phát chi phí đẩy (nhập khẩu lạm phát); (2) lạm phát do cầu kéo (cùng với đà phục hồi kinh tế); và (3) độ trễ cũng như thực thi chính sách tài khóa, tiền tệ có phần mở rộng, thích ứng.



Lãi suất huy động khả năng tăng nhẹ trong năm 2022

Việt Nam đã kết thúc một năm 2021 chống dịch đầy khó khăn và bước sang năm 2022 với tâm thế vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả, vừa phục hồi, phát triển kinh tế trong trạng thái bình thường mới. Do đó, năm 2022, Ngân Hàng Nhà Nước nhiều khả năng sẽ tiếp tục các chính sách hỗ trợ và duy trì các lãi suất điều hành. Mặt bằng lãi suất cho vay vẫn duy trì ở mức thấp và có thể giảm nhẹ ở một số ngành nghề ưu tiên.

Đối với mặt bằng lãi suất huy động nhiều khả năng sẽ nhích nhẹ khoảng 30 - 50 điểm cơ bản trong năm 2022 do lạm phát tăng trở lại, nhu cầu tín dụng phục hồi, bên cạnh đó kênh tiền gửi sẽ phải tăng tính cạnh tranh với các kênh đầu tư khác để thu hút dòng vốn.

Năm 2022, thị trường TPDN được dự báo sẽ tiếp tục diễn biến sôi động, trong khi chất lượng trái phiếu và tính minh bạch của thị trường được nâng cao

Trong 2022-2023, 60% lượng TPDN đang lưu hành trên thị trường sẽ đáo hạn, do đó áp lực phải phát hành trái phiếu mới để tái tài trợ cho các khoản nợ đến hạn rất lớn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp, nhất là trong lĩnh vực bất động sản sẽ có nhu cầu huy động vốn để tài trợ xây mới, tiếp tục các dự án hiện tại, khôi phục tình hình kinh tế. Các điểm trên cho thấy nhu cầu phát hành TPDN còn khá dồi dào.

Tuy nhiên, lợi suất TPDN phát hành trong năm 2022 nhiều khả năng sẽ diễn biến đồng pha với xu hướng giảm của lãi suất cho vay.

Hành lang pháp lý sẽ ngày càng được hoàn thiện hứa hẹn cho sự tăng trưởng bền vững của thị trường trong tương lai. Ngoài ra, Ủy ban Chứng khoán nhà nước cũng đang khẩn trương xây dựng sàn mua bán trái phiếu thứ cấp và siết lại điều kiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp, giúp tăng tính minh bạch của thị trường TPDN. Tuy nhiên, những động thái kiểm soát chặt chẽ hơn sẽ khiến thị trường trái phiếu doanh nghiệp chững lại trong nửa đầu năm 2022, nhưng sẽ tác động chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực và thị trường sẽ bùng nổ trong những năm tiếp theo.

2. Chiến lược đầu tư năm 2022

Với dự báo lãi suất huy động tăng nhẹ trong năm 2022, lãi suất của chứng chỉ tiền gửi phát hành mới và tỷ lệ trái tức của các TPDN trên thị trường khả năng sẽ cải thiện. Trong năm 2022, Ban điều hành dự kiến sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội để nâng tỷ trọng của trái phiếu doanh nghiệp có lãi suất cố định cao hơn, thanh khoản tốt, và tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định. Việc gia tăng tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp có thể sẽ làm tăng kỳ hạn bình quân của các khoản đầu tư, tuy nhiên với chiến lược lựa chọn trái phiếu có cơ chế lãi suất thả nổi, rủi ro về biến động lãi suất sẽ được kiểm soát phần nào.



V. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Ban Đại diện Quỹ nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động của Quỹ VNDBF, kể từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021, Ban Đại Diện Quỹ VNDBF đã đảm bảo mỗi quý họp ít nhất một lần và đã thông qua các nội dung sau:

- Ngày 05/03/2021, phê duyệt Sổ tay định giá của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND điều chỉnh theo sự thay đổi của Luật chứng khoán mới 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Ngày 15/07/2021, thông qua việc mua Chứng chỉ tiền gửi của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD Saison.
- Ngày 16/07/2021, Ban đại diện quỹ đã tiến hành họp quý II.2021 theo hình thức trực tuyến. Nội dung thông qua bao gồm việc mua Chứng chỉ tiền gửi của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn HD Saison, Chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội và thay đổi một số điểm của Sổ tay định giá của Quỹ đầu tư trái phiếu VND nhằm thích nghi với tình hình thị trường.
- Ngày 10/11, Ban đại diện quỹ đã tiến hành họp tổng kết tình hình hoạt động quỹ trong giai đoạn quý III.2021 thông qua hình thức họp trực tuyến.
- Ngày 23/08/2021 và 20/12/2021, thông qua việc mua Trái phiếu chào bán ra công chúng của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP.



VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ IPAAM

THÔNG TIN CHUNG

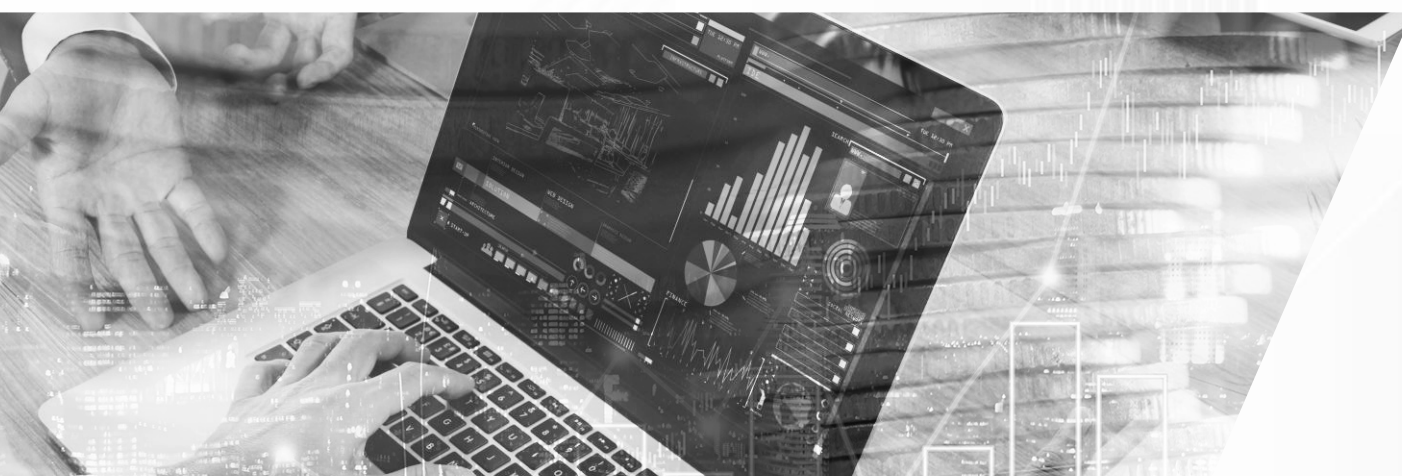
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM) được thành lập theo giấy phép số 30/UBCK – GP do UBCKNN cấp ngày 4/3/2008, là công ty con 100% sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (VN-Direct).
- IPAAM có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, cung cấp dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

- Sở hữu đội ngũ các chuyên gia đầu tư với tổng cộng hơn 80 năm kinh nghiệm quản lý đầu tư, đảm bảo đem lại cho khách hàng dịch vụ quản lý đầu tư hiệu quả và chuyên nghiệp.
- Thừa hưởng mạng lưới khách hàng và đối tác rộng lớn của công ty mẹ VN-Direct, mang lại các mối quan hệ sâu rộng và sự am hiểu về hoạt động của các công ty đầu tư tiềm năng, khả năng kết nối các cơ hội đầu tư hiệu quả tới các nhà đầu tư.
- Thế mạnh công nghệ: IPAAM và VNDirect có nền tảng công nghệ mạnh, đi đầu thị trường, giúp hỗ trợ tối đa hoạt động phân tích, theo dõi, quản lý đầu tư và quản trị rủi ro trong đầu tư.

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

- Tầm nhìn: Trở thành công ty quản lý quỹ tin cậy nhất cho nhà đầu tư.
- Sứ mệnh: Đem lại sự an tâm đầu tư cho khách hàng.



VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2021

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF) đã thực hiện Báo cáo tài chính năm 2021 dưới sự giám sát của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Công ty kiểm toán Ernst & Young, được đính kèm những nội dung chính quan trọng sau đây:

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG NĂM 2021

NỘI DUNG	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (VND)
Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	64.611.633.189
Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	7.436.616.402
Trong đó:	
Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ.	7.436.616.402
Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ.	-
Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ	82.504.296.149
Trong đó:	
Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ.	122.925.941.995
Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ.	40.421.645.846
Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	154.552.545.740

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

CHỈ TIÊU

Ngày 31 tháng 12 năm 2021
(VND)

I. TÀI SẢN

1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3.581.372.285
1.1 Tiền gửi ngân hàng	381.372.285
1.2 Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng	3.200.000.000
2. Các khoản đầu tư thuần	147.579.674.132
2.1 Các khoản đầu tư	147.579.674.132
3. Các khoản phải thu	3.746.637.995
3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	3.746.637.995
3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	3.746.637.995

TỔNG TÀI SẢN **154.907.684.412**

II. NỢ PHẢI TRẢ

1. Vay ngắn hạn	-
2. Phải trả về mua các khoản đầu tư	-
3. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	15.063.827
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.430.238
5. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	-
6. Chi phí phải trả	124.000.000
7. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	38.963.087
8. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	2.344.515
9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	164.127.230
10. Phải trả, phải nộp khác	8.209.775

TỔNG NỢ PHẢI TRẢ **355.138.672**

III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ **154.552.545.740**

1. Vốn góp của Nhà đầu tư	132.517.710.200
1.1 Vốn góp phát hành	296.216.036.600
1.2 Vốn góp mua lại	(163.698.326.400)
2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	9.536.374.639
3. Lợi nhuận chưa phân phối	12.498.460.901

IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ **11.662,78**

V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ **-**

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ NĂM 2021

KẾT QUẢ THU NHẬP NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (VND)
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	9.274.038.192
1.1. Trái tức được chia	4.330.761.532
1.2. Tiền lãi được nhận	3.401.126.721
1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	1.654.652.051
1.4. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	(112.502.112)
II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	13.868.254
2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	13.868.254
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	1.823.553.536
3.1. Phí quản lý Quỹ mở	924.848.782
3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	254.813.353
3.3. Phí dịch vụ giám sát	66.000.000
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	198.000.000
3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	132.000.000
3.8. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	8.000.000
3.9. Lương BDD Quỹ	144.000.000
3.10. Phí thành lập quỹ	-
3.11. Chi phí kiểm toán	88.000.000
3.12. Chi phí thanh lý tài sản Quỹ mở	-
3.13. Chi phí hoạt động khác	7.891.401
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	7.436.616.402
V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC	-
VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	7.436.616.402
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	7.549.118.514
6.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	(112.502.112)
VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN	-
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ	7.436.616.402

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (IPAAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của IPAAM. IPAAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư.

Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ.

Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.

